TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 13-5-2019
V/v tranh chấp: "Xác nhận con cho cha".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: ông Hoàng Văn Đàm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 291/2018/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Xác nhận con cho cha" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX - ST ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1985 (có mặt)
Địa chỉ: thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* chị Bùi Thị Thu H; Sinh năm: 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ.P, huyện B, tỉnh Bình Phước
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1982. (vắng mặt)
Địa chỉ: số nhà 550 QL 14, phường T, Tp Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T và chị Bùi Thị Thu H năm 2013 quen nhau và có tình cảm yêu đương với nhau nhưng vì chuyện gia đình nên anh và chị H không đăng ký kết hộn theo quy định. Đến năm 2014 thì anh và chị H có quan hệ nam nữ và chị H đã mang

thai, trong thời gian này thì chị H đã đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn H. Sau khi chị H sinh con chung của tôi và chị H thì đăng ký khai sinh tên là Phạm Ngọc Quỳnh C; sinh ngày 23/7/2015 lấy họ của anh Phạm Văn H. Đến năm 2016 thì chị H làm đơn ly hôn với anh Phạm Văn H. Hiện nay anh T và chị H đã chung sống và kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn chị H có nói với anh T, bé Chi là con đẻ của anh T, vì vậy anh T đã dẫn cháu Chi đi xét nghiệm ADN. Căn cứ vào kết quả xét nghiệm ADN ngày 08/6/2018 của Trung tâm xét nghiệm ADN của công ty TNHH một thành viên TMDV DNA TESTINGS xác định cháu Phạm Ngọc Quỳnh C có cùng huyết thống với anh T tỷ lệ độ tin cậy 99,9999%. Vì vậy anh T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xác nhận cháu Phạm Ngọc Quỳnh C là con đẻ của anh Nguyễn Văn T.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H có mặt tại phiên tòa trình bày:*

Năm 2008 chị H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn H. Chị và anh H có 02 cháu gồm cháu Phạm Ngọc Quỳnh Anh, sinh ngày 11/02/2009 và cháu Phạm Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 23/7/2015. Quá trình chung sống giữa chị và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vào năm 2014 khi đi họp lớp thì chị gặp lại anh Nguyễn Văn T là người yêu cũ. Chị và anh T đã quan hệ nam nữ với nhau, sau đó thì chị mang thai và sinh cháu Chi. Khi đó chị H không biết cháu Chi là con anh T. Đến năm 2016, chị và anh Phạm Văn H ly hôn và đã có quyết định thuận tình ly hôn số 258/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2016 của Tòa án thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Hiện nay chị và anh Nguyễn Văn T đã chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung, chị H thấy cháu Phạm Ngọc Quỳnh C giống anh T, nên anh T đã dẫn cháu Chi xét nghiệm AND. Kết quả xét nghiệm cháu C là con đẻ của anh Nguyễn Văn T.

Tại thời điểm sinh cháu C, chị H và anh Phạm Văn H là vợ chồng hợp pháp nên chị đã đăng ký giấy khai sinh tên cháu là Phạm Ngọc Quỳnh C theo họ của cha anh Phạm Văn H. Chị H thừa nhận cháu Chi là con đẻ của chị và anh Nguyễn Văn T. Do đó anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xác nhận bé Phạm Ngọc Quỳnh C là con đẻ của anh Nguyễn Văn T, chị H đồng ý. Ngoài ra không ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2018 (tại bút lục số 29) anh H khai:

Anh và chị Bùi Thị Thu H trước đây là vợ chồng, tuy nhiên đến năm 2016 anh và chị H đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài và đã có Quyết định ly hôn. Bé Phạm Ngọc Quỳnh C, sinh năm 2015 là con của anh. Vì cháu C sinh ra khi anh và chị H vẫn là vợ chồng. Anh không biết anh T. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xác định bé Chi là con đẻ của anh T thì do sự việc bất ngờ nên anh không có ý kiến gì. Về phiếu xét nghiệm ADN của Hội đồng khoa học công ty TNHH một thành viên TMDV DNA TESTINGS xác định cháu

Phạm Ngọc Quỳnh C có cùng huyết thống với ánh T tỷ lệ độ tin cậy 99,9999% thì anh không đồng ý. Vì thời gian chị H mang thai thì anh và chị vẫn là vợ chồng và chung sống với nhau. Anh H yêu cầu Tòa án xác định bé Phạm Ngọc Quỳnh C là con đẻ của anh H. Ngoài ra không trình bày gì khác.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 4 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 89; khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xác nhận con cho cha của anh T.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân; giấy kết hôn; quyết định ly hôn; Về phiếu xét nghiệm ADN của Hội đồng khoa học công ty TNHH một thành viên TMDV DNA TESTINGS.
- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự;

Các tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:

- Đều thừa nhận thời gian chung sống.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất:

- Tranh chấp xác nhận cha cho con;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện chị Bùi Thị Thu H về việc xác định cháu Phạm Ngọc Quỳnh C là con đẻ của anh T. Người liên quan anh Phạm Văn H không đồng ý. Mặt khác bị đơn chị H có địa chỉ khu Đức Thiện, thị trấn Đức Phong, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 4 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ vào Điều 101 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xác định vụ án trên tranh chấp về xác định con cho cha, và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào năm 2013 khi chị H và anh Phạm Văn H còn chung sống với nhau và là vợ chồng hợp pháp, chị H và anh Nguyễn Văn T có tình cảm với nhau. Vào năm 2014 Khi đi họp lớp thì anh T và chị H có quan hệ nam nữ với nhau. Sau đó chị H đã mang thai. Năm 2015 sau khi chị H sinh con, chị H đăng ký khai sinh cho cháu tên là Phạm Ngọc Quỳnh C; sinh ngày 23/7/2015 lấy họ của anh Phạm Văn H là cha ruột vì

thời điểm đó chị H và anh H là vợ chồng hợp pháp. Đến năm 2016 thì chị H làm đơn ly hôn với anh Phạm Văn H theo Quyết định số 258/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Chị H thừa nhận cháu Phạm Ngọc Quỳnh C là con đẻ của anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên người liên quan anh Phạm Văn H không đồng ý với yêu cầu của anh T và cho rằng cháu Chi là con đẻ của anh H. Mặc dù cháu C được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh H và chị H, nhưng hiện nay anh H và chị H đã ly hôn. Giữa anh H và anh T tranh chấp về việc xác định con cho cha. Căn cứ vào vào kết quả xét nghiệm ADN ngày 08/6/2018 của Trung tâm xét nghiệm ADN của công ty TNHH một thành viên TMDV DNA TESTINGS mà nguyên đơn anh T giao nộp (bút lục 06) xác định cháu Phạm Ngọc Quỳnh C có cùng huyết thống với anh T tỷ lệ độ tin cậy 99,9999%. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B ban hành thông báo cung cấp chứng cứ đối với anh H, yêu cầu anh H cung cấp chứng cứ thể hiện cháu C là con đẻ của anh H nhưng anh H không có tài liệu chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án. Do đó, Căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T về việc xác định con cho cha.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo luật định.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 89; Điều 101 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc xác định con cho cha. Công nhận cháu Phạm Ngọc Quỳnh C; sinh ngày 23/7/2015 là con đẻ của anh Nguyễn Văn T.

[2] Về án phí: Bị đơn chị Bùi Thị Thu H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn T số tiền 300.000đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0022168 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Điểu Thị Hạnh